

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/01/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và bà Trần Thị Thúy Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện

D.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Sinh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐHPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc Ch**, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Trần Ngọc Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả 02 bất đồng quan, không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên bà D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (thôn T, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng) sinh sống và vợ chồng ly thân không chung sống với nhau 05 năm nay.

Xét thấy mâu thuẫn xảy ra vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm cũng không còn nên bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc Ch.

2. Về con chung: Bà D khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại hồ sơ vụ án thể hiện:* Ông Trần Ngọc Ch có đăng ký thường trú tại thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam nhưng không hợp tác theo giấy triệu tập của Tòa án.

Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo công khai chứng cứ; Thông báo về các phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông Trần Ngọc Ch trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng D có Đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện giải quyết được ly hôn với ông Trần Ngọc Ch. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà D và ông Ch đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông Ch.

- Về quan hệ con chung: Bà D khai vợ chồng không có con chung nên không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng D là nguyên đơn trong vụ án do ở xa, bận công việc nên không thể trực tiếp đến Tòa án tham gia giải quyết, xét xử theo yêu cầu của Tòa án, bà D có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Trần Ngọc Ch là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Ch cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Trần Ngọc Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo Trích lục kết hôn số 1197/2018/TLKH-BS ngày 02 tháng 11 năm 2018. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Ch là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả 02 bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Qua xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Ch xảy ra, bà D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện H, thành phố Đà Nẵng để sinh sống, thực tế giữa bà D và ông Ch đã ly thân không còn chung sống với nhau 05 năm nay và ông Ch cũng không đến Tòa án để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông Ch đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà D khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng D.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn với ông Trần Ngọc Ch.
2. Về con chung: (Không có con chung nên không yêu cầu giải quyết).
3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0012388 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Bà D đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện D;
- THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

